

ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG DU LỊCH  
--- ❧ ❧ ❧ ---

LÊ THỊ TÓ QUYÊN

NGHIÊN CỨU SINH KẾ VÀ GIẢM NGHÈO CỦA DU LỊCH  
ĐỐI VỚI HỘ DÂN TỘC THIỂU SỐ TỈNH AN GIANG

Ngành: Du lịch  
Mã số: 9810101

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ DU LỊCH

HUẾ, 2023

Công trình được hoàn thành tại **Trường Du Lịch - Đại Học Huế**

Người hướng dẫn: **PGS. TS Trần Hữu Tuấn**

Phản biện 1: .....

.....

Phản biện 2: .....

.....

Phản biện 3: .....

.....

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Đại học  
Huế họp tại .....

.....

Vào hồi giờ ..... ngày..... tháng..... năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện: .....

.....

## **PHẦN 1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

### **1.1 TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI**

Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, du lịch được xem là một ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều quốc gia trên thế giới, tạo ra sức lan toả thúc đẩy phát triển các ngành kinh tế khác, được xem là “ngành công nghiệp không khói” mang lại nguồn ngoại tệ cho nhiều quốc gia. Du lịch cũng là ngành quan trọng giúp cho sự phát triển thịnh vượng ở một số nước đang phát triển góp phần xóa đói giảm nghèo, đóng góp bền vững cho việc phát triển kinh tế xã hội của cộng đồng địa phương (Muganda và cộng sự, 2010; Scheyvens và Russell, 2012; Ap và Crompton, 1988). Theo Tổ chức du lịch thế giới (UNWTO, 2022) ngành du lịch đã đóng góp 1,9 tỉ USD năm 2021; là một trong những ngành kinh tế quan trọng của thế giới, không chỉ đóng góp về mặt kinh tế mà còn về mặt xã hội, đặc biệt là ảnh hưởng lên sự giảm nghèo của người dân. Du lịch được ghi nhận như là một nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế, đặc biệt ở các nước nghèo. Du lịch hiện đang xếp vị trí hàng đầu hoặc thứ hai về kim ngạch xuất khẩu ở 20 trên 48 nước kém phát triển và thể hiện sự tăng trưởng ổn định ở 10 nước khác (UNWTO, 2022).

Nhiều nghiên cứu đã cho thấy rằng du lịch đã có tác động tích cực đến giảm nghèo của cộng đồng địa phương. Thông qua hoạt động du lịch, cuộc sống người dân được cải thiện, đạt được sự bền vững cho việc phát triển kinh tế xã hội của cộng đồng địa phương trong việc tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người dân (Kwai và cộng sự, 2020; Hoang và cộng sự, 2020; Deanbraber 2018; Adiyia & cộng sự, 2017; Wiranatha & cộng sự, 2017; Worku, 2017; Scheyvens và Russell, 2012; Muganda và cộng sự, 2010). Ngành du lịch đã phát triển nhanh chóng trong hai thập kỷ qua nhờ có nhiều thế mạnh và hiện đóng vai trò thiết yếu trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và các mục tiêu giảm nghèo của Việt Nam (Le Thanh Tung & Lê Kien Cuong, 2020). Phát triển du lịch được coi là một công cụ quan trọng để giảm nghèo; tuy nhiên, việc triển khai du lịch vì người nghèo phải giải quyết toàn bộ các tác động đối với người nghèo, bao

gồm tình trạng kinh tế, điều kiện sống, giáo dục, đào tạo và chăm sóc sức khỏe của họ. Thông qua du lịch, vai trò xoá đói giảm nghèo được thể hiện, rút ngắn khoảng cách thành thị với nông thôn, đem lại cuộc sống ổn định và ấm no cho đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) ở những vùng xa xôi hẻo lánh.

Giảm nghèo có ý nghĩa quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu phát triển bền vững (SDG) của Liên hợp quốc, đặc biệt là mục tiêu 1, nhằm xoá bỏ tình trạng nghèo và giảm mức nghèo chung (United Nations, 2015). Giảm nghèo có thể cải thiện phúc lợi của cá nhân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy phát triển bền vững (World Bank, 2020).

An Giang là một tỉnh nằm ở phía Tây Nam của tổ quốc, có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch tâm linh, với điểm đến thu hút du khách là Miếu Bà Chúa Xứ. Bên cạnh đó, là một tỉnh biên giới, trong đó có 4 cộng đồng các dân tộc anh em Kinh, Hoa, Chăm, Khmer đã tạo nên bản sắc văn hoá độc đáo và có nhiều tài nguyên để phát triển loại hình du lịch văn hoá. Trong những năm qua, An Giang ban hành nhiều văn bản nhằm cụ thể hóa chủ trương của Trung Ương và Tỉnh về công tác giảm nghèo cho đồng bào dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương thông qua việc lồng ghép dự án giảm nghèo với phát triển du lịch ở các cơ sở thủ công truyền thống, nấu đường thốt nốt, đan lát, dệt thổ cẩm. Đặc biệt, trong những năm gần đây, An Giang phát triển mạnh mô hình du lịch cộng đồng thu hút nhiều du khách trong ngoài nước đến các địa bàn có đồng bào dân tộc thiểu số như Châu Giang, Châu Phong, Đa Phước, Văn Giáo, Vĩnh Trung và An Hảo. Thông qua việc phát triển du lịch đã góp phần đa dạng sinh kế, tăng thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc sống cho hộ DTTS, các hoạt động du lịch đã góp phần cho hộ DTTS nghèo có cơ hội tiếp cận để vươn lên thoát nghèo. Tuy nhiên, sau khi kết thúc dự án, hoạt động du lịch cộng đồng ở một số địa bàn đã có chiều hướng suy giảm, không duy trì và phát huy được những kết quả đã đạt được một cách bền vững.

Các nghiên cứu về sinh kế và giảm nghèo của hộ đồng bào dân

tộc thiểu số ở Việt Nam nói chung chưa nhiều; cũng như chưa có các giải pháp tổng thể về giảm nghèo được đề xuất một cách đầy đủ và hoàn chỉnh; về mặt lý thuyết, có thể nói các công trình khoa học trong lĩnh vực này còn hạn chế. Các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung về chính sách nghèo đói, thực trạng nghèo đói và đề xuất các giải pháp cải thiện giảm nghèo cho các hộ này thông qua tác động của tín dụng, nông nghiệp, lâm nghiệp là chủ yếu, trong khi đó hướng tiếp cận từ khung sinh kế bền vững để đánh giá sinh kế và giảm nghèo của du lịch còn hạn chế. Mặt khác, các hộ DTTS còn hạn chế về khả năng phát triển du lịch nên hiệu quả từ du lịch mang lại chưa cao. Đặc biệt, tại địa bàn tỉnh An Giang chưa có công trình nghiên cứu tổng thể và chưa được đánh giá một cách đầy đủ về vấn đề này. Xuất phát từ khoảng trống nghiên cứu trên, việc nghiên cứu sinh kế và giảm nghèo của du lịch đối với hộ dân tộc thiểu số nhằm hoàn thiện mô hình lý thuyết dựa trên khung sinh kế và tìm kiếm những giải pháp nhằm giúp hộ DTTS định hướng được kế sinh nhai, nâng cao thu nhập, giảm đói nghèo, gia tăng sự tham gia vào quá trình phát triển chung của xã hội là hết sức cấp thiết. Do đó, nghiên cứu “Nghiên cứu sinh kế và giảm nghèo của du lịch đối với hộ dân tộc thiểu số tỉnh An Giang” là rất cần thiết, nhằm tìm kiếm những giải pháp giúp người nghèo định hướng được kế sinh nhai, nâng cao thu nhập, giảm đói nghèo, gia tăng sự tham gia vào quá trình phát triển chung của xã hội.

## **1.2 Mục tiêu nghiên cứu của đề tài**

### **1.2.1 Mục tiêu chung**

Cung cấp luận cứ khoa học và đề xuất khuyến nghị chính sách nhằm giúp nâng cao sinh kế và giảm nghèo dựa vào du lịch cho các hộ DTTS tỉnh An Giang.

### **1.2.2 Mục tiêu cụ thể**

Từ mục tiêu tổng quát trên, các mục tiêu cụ thể gồm:

- i. Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về sinh kế và giảm nghèo của du lịch đối với hộ DTTS.
- ii. Hiện trạng sinh kế và hiện trạng giảm nghèo của hộ DTTS

gắn với phát triển du lịch tại An Giang

iii. Phân tích vốn sinh kế ảnh hưởng đến kết quả giảm nghèo của du lịch đối với các hộ DTTS tỉnh An Giang.

iv. Khuyến nghị chính sách nâng cao sinh kế và giảm nghèo của du lịch đối với các hộ DTTS tỉnh An Giang.

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

### **1.3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

#### **1.3.1 Đối tượng nghiên cứu**

- **Đối tượng nghiên cứu:** là các vấn đề lý luận và thực tiễn về sinh kế và giảm nghèo của du lịch.

- **Đối tượng khảo sát:** là các hộ DTTS Chăm, Hoa, Khmer nghèo hoặc cận nghèo có tham gia các hoạt động du lịch tại các huyện Tịnh Biên, Huyện An Phú, TX. Tân Châu, TP. Châu Đốc.

#### **1.3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- **Phạm vi nội dung nghiên cứu:** Luận án đánh giá kết quả sinh kế và giảm nghèo của hộ DTTS tỉnh An Giang, từ đó khuyến nghị các chính sách góp phần nâng cao sinh kế và kết quả giảm nghèo cho hộ DTTS tỉnh An Giang.

- **Phạm vi không gian:** Nghiên cứu chọn thực hiện tại 5 địa bàn gồm: huyện Tịnh Biên, huyện Tri Tôn, huyện An Phú, TX. Tân Châu, TP. Châu Đốc.

- **Phạm vi về thời gian:** Dữ liệu sơ cấp được thu thập từ tháng 02/2021 – tháng 2/2022. Dữ liệu thứ cấp được thu thập trong thời gian 5 năm gần nhất từ 2017-2022. Luận án được thực hiện từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 7 năm 2023. Những đóng góp mới của luận án.

### **1.4. NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA ĐỀ TÀI**

- Điểm mới của nghiên cứu là ứng dụng mô hình sinh kế bền vững (SLA) để phân tích vốn sinh kế tới kết quả giảm nghèo của hộ DTTS tỉnh An Giang. Sử dụng phân tích sâu Anova để so sánh mức độ giảm nghèo theo các nhóm hộ người dân tộc thiểu số khác nhau. Qua đó đã xác định được có năm nguồn vốn ảnh hưởng đến kết quả giảm nghèo của hộ DTTS tỉnh An Giang, làm cơ sở để đề xuất các khuyến nghị chính sách phù hợp.

- Nghiên cứu sử dụng các tiêu chí đo lường chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 để phân tích sự giảm nghèo của hộ DTTS thông qua mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản và dựa vào khung sinh kế bền vững. Với việc tiếp cận này đảm bảo được các tiêu chí thoát nghèo không chỉ có thu nhập mà trên tất cả các mặt của cuộc sống hộ DTTS đây là một điểm mới so với các nghiên cứu trước đây chỉ tập trung vào thu nhập hộ.

- Dựa vào kết quả giảm nghèo trên các phương diện kinh tế, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, sinh kế, văn hóa và xã hội giữa các nhóm hộ, để các cơ quan quản lý về du lịch có các chiến lược và chính sách phù hợp cho từng nhóm hộ phát triển du lịch và chính sách giảm nghèo đạt hiệu quả hơn.

### **1.5. Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI**

Thứ nhất, nghiên cứu đánh giá được các nguồn vốn của hộ DTTS tỉnh An Giang. Trên cơ sở đó, chính quyền địa phương nhận biết được năm nguồn vốn sinh kế của hộ DTTS tỉnh An Giang từ đó có các giải pháp và chính sách để phát triển năm nguồn vốn sinh kế cho hộ DTTS tại đây để nâng cao phát triển du lịch và xóa đói giảm nghèo.

Thứ hai, kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả giảm nghèo được thể hiện từ kết quả nghiên cứu đã đóng góp quan trọng vào việc hiểu rõ hơn về nguyên nhân nghèo đói của hộ DTTS và các cải thiện để gia tăng hiệu quả du lịch trong giảm nghèo, dựa trên các yếu tố ảnh hưởng này các bên liên quan sẽ có những định hướng, giải pháp và khuyến nghị chính sách phù hợp cho việc phát triển du lịch nâng cao hiệu quả giảm nghèo cho hộ DTTS tỉnh An Giang.

Thứ ba, kết quả so sánh mức độ khác biệt về kết quả giảm nghèo của ba nhóm hộ người Hoa, Chăm, Khmer sẽ là cơ sở để có chính sách riêng phù hợp với từng đối tượng hộ DTTS dựa trên vốn sinh kế của từng nhóm hộ.

Thứ tư, nghiên cứu cũng đã hoàn thiện, bổ sung, đóng góp mới về lý luận, phương pháp nghiên cứu, kết quả phân tích là rất có ý nghĩa, trên phương diện cung cấp thông tin, tài liệu cho nghiên cứu, giảng dạy và tài liệu tham khảo cho sinh viên và giảng viên ngành du lịch.

## **PHẦN 2. CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ SINH KẾ VÀ GIẢM NGHÈO CỦA DU LỊCH ĐỐI VỚI HỘ DÂN TỘC THIỂU SỐ**

### **2.1 Khung lý thuyết sinh kế bền vững**

#### **2.1.1 Khái niệm về sinh kế**

Department for International Development (DFID, 2000) cho rằng sinh kế khả năng bao gồm các nguồn lực tự nhiên, kinh tế, xã hội và văn hóa mà các cá nhân, hộ gia đình, hoặc nhóm xã hội sở hữu có thể tạo ra thu nhập để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần hoặc có thể được sử dụng, trao đổi để đáp ứng nhu cầu của họ trong cuộc sống.

#### **2.1.2 Khái niệm sinh kế bền vững**

Chambers & Conway (1992) cho rằng “một sinh kế được cho là bền vững khi mà sinh kế đó đối phó và phục hồi từ những căng thẳng và các cú sốc, duy trì hoặc tăng cường khả năng các tài sản, cung cấp các cơ hội sinh kế bền vững cho các hệ tiếp theo, đem lại phúc lợi cho cấp địa phương và cộng đồng trong ngắn hạn và dài hạn”.

#### **2.1.3 Các yếu tố cấu thành của khung sinh kế bền vững**

Theo Department for International Development - DFID (2000), tài sản sinh kế bao gồm các vốn tự nhiên (N), vật chất (P), xã hội (S), con người (H) và tài chính (F). Drinkwater & Rusinow (1999) cho rằng nhóm các tài sản sinh kế thành ba loại, vốn nhân lực (nghĩa là khả năng sinh kế), vốn xã hội (tức là các yêu cầu bồi thường và khả năng tiếp cận), và vốn kinh tế (tức là kho dự trữ và tài nguyên).

#### **2.1.4 Khái niệm sinh kế dựa vào du lịch**

Theo Fujun (2009) “*Sinh kế dựa vào du lịch bao gồm tài sản sinh kế cốt lõi (vốn tự nhiên, con người, tài chính, xã hội và thể chế), các hoạt động liên quan đến du lịch, và cách tiếp cận các hoạt động này để cung cấp phương tiện sinh sống*”.

#### **2.1.5 Các vốn sinh kế dựa vào du lịch của hộ dân tộc thiểu số**

Fujun và cộng sự (2008) cho rằng tương tự như các vốn sinh kế



trong khung sinh kế bền vững (SLF) của DFID (2000), các vốn sinh kế du lịch rất quan trọng đối với người nghèo và là trung tâm của khung sinh kế bền vững cho du lịch. Vốn sinh kế du lịch ở khung sinh kế bền vững cho du lịch bao gồm vốn con người, vốn xã hội, vốn tự nhiên, vốn tài chính và vốn thể chế.

## **2.2. Giảm nghèo của du lịch đối với hộ dân tộc thiểu số**

### **2.2.1 Giảm nghèo và kết quả giảm nghèo thông qua du lịch**

Theo Komathi & Rossazana (2018) kết quả giảm nghèo thông qua du lịch là có sự thay đổi về lương, thực phẩm, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, tiếng nói và an toàn trong cuộc sống hàng ngày của con người. Trong khi đó Nwokorie (2016) cho rằng phát triển du lịch giảm đói nghèo vì người nghèo có thể cung cấp các sản phẩm và dịch vụ trực tiếp cho khách, đồng thời thuế từ du lịch có thể trợ cấp cho người nghèo, đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch, mang lại lợi ích cho người nghèo. Các tiêu chí để đo lường mức độ giảm nghèo cần xem xét như: số lượng công việc được tạo ra, sự giảm số lượng nhập cư của người dân đến các khu vực thành thị, tạo ra lợi nhuận thu nhập, cải thiện cơ sở hạ tầng và thông tin phục vụ cho đời sống của người nghèo. Mặt khác, Onur (2018) phát triển du lịch có ảnh hưởng lớn đến sinh kế của người dân địa phương trên các phương diện môi trường, xã hội và kinh tế. Theo nghị định số 07/2021/ND-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về dịch vụ xã hội cơ bản, chỉ số đo lường mức thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản và ngưỡng thiếu hụt trong chuẩn nghèo đa chiều 2021 -2025 thì các tiêu chí đo lường là việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin.

## **PHẦN 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **3.1 Địa bàn nghiên cứu**

Nghiên cứu thực hiện tại tỉnh An Giang, là một trong 13 tỉnh thuộc vùng ĐBSCL, với diện tích tự nhiên là 3,536,8 km<sup>2</sup> bằng 1,03% diện tích cả nước và đứng thứ 4 trong 13 tỉnh ĐBSCL về diện tích sau tỉnh Kiên Giang, tỉnh Cà Mau và tỉnh Long An. Tỉnh có phía tây bắc giáp Campuchia (104 km), phía tây nam giáp tỉnh Kiên Giang (69,789 km), phía nam giáp thành phố Cần Thơ (44,734 km), phía đông giáp tỉnh Đồng Tháp (107,628 km) (Ủy Ban Tỉnh An Giang, 2022)

### **3.2. Phương pháp nghiên cứu**

#### **3.2.1 Tiếp cận nghiên cứu**

Nghiên cứu tiếp cận triển khai từ việc kết hợp nghiên cứu định tính và định lượng, tổng quan các công trình và mô hình nghiên cứu trước đây và thực trạng địa bàn nghiên cứu để phát triển mô hình nghiên cứu cho tỉnh An Giang và đề xuất các thang đo trong bảng khảo sát. Có nghiên cứu sơ bộ 30 bảng để làm cơ sở điều chỉnh cho việc khảo sát chính thức. Việc lồng ghép nghiên cứu định tính thông qua phỏng vấn chính quyền địa phương, chuyên gia và người dân nhằm phân tích sâu và lồng ghép với phân tích định lượng để phân tích rõ kết quả nghiên cứu. Nghiên cứu tiếp cận dựa vào khung sinh kế bền vững của DFID (2000); Schen và cộng sự (2008) và khung sinh kế bền vững du lịch của Onur và cộng sự (2018) và dựa vào nghị định số 07/2021/NĐ-CP quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025, các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều để đánh giá kết quả giảm nghèo trên ba phương diện kinh tế, tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản và sinh kế và văn hóa xã hội.

#### **3.2.2 Thiết kế nghiên cứu**

- **Nghiên cứu định tính:** Với mô hình nghiên cứu và thang đo được đã được đề xuất, sau đó, tiến hành tham khảo ý kiến của 6

chuyên gia trong lĩnh vực du lịch bao gồm (01 chuyên là lãnh đạo Phòng Quản lý du lịch thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh An Giang; 5 giảng viên tại trường Đại Học An Giang và 9 hộ dân có tham gia các hoạt động du lịch. Phòng vấn sâu bằng cách gửi phiếu góp ý trực tiếp đến chuyên gia sau đó, thu về phiếu góp ý, tổng hợp và tiếp thu các ý kiến góp ý (Thành phần chuyên gia và nội dung phỏng vấn có đính kèm ở phụ lục). Nội dung phỏng vấn về tình trạng nghèo đói của các hộ dân tộc tại địa bàn, những khó khăn trong việc thoát nghèo của các hộ DTTS, tác động du lịch đối với giảm nghèo của hộ DTTS, đề xuất các giải pháp thoát nghèo hiệu quả thông qua mô hình du lịch.

### **- Nghiên cứu định lượng**

#### **Lựa chọn địa bàn nghiên cứu**

Nghiên cứu này áp dụng quy trình lấy mẫu nhiều giai đoạn (De Vaus, 2013). Giai đoạn đầu, 5 địa bàn được chọn dựa theo số lượng thống kê hộ DTTS đó là huyện Tịnh Biên, huyện Tri Tôn, huyện An Phú, thị xã Tân Châu và TP. Châu Đốc. Ở giai đoạn thứ hai, phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên có hệ thống được áp dụng cho những người trả lời được lựa chọn từ danh sách hộ gia đình dân tộc do cán bộ Phòng dân tộc của Ủy ban dân tộc ở các huyện, thị xã và thành phố cung cấp. Bảng câu hỏi đã được các chuyên gia từ trường đại học xem xét và khảo sát thử cho 30 hộ DTTS. Các cuộc phỏng vấn sâu được thực hiện với 15 người bao gồm chính quyền địa phương, giảng viên đại học và đại diện hộ DTTS.

#### **Xác định kích thước mẫu**

Cỡ mẫu được xác định theo công thức của Taro Yamane để xác định số lượng hộ để khảo sát.

$$N = N / (1 + N (e ^ 2))$$

trong đó:

n = Số hộ cần khảo sát

$N = \text{Số hộ DTTS trong tỉnh (tổng thể)}$ .

$e = \text{Sai số cho phép (0,05)}$

Theo Cục Thống kê tỉnh An Giang (2019) tổng số lượng hộ DTTS ở tỉnh An Giang là 18.892 hộ, tức  $N = 18.892$ .

$$n = 18,892 / (1 + 18,892 ( \sqrt{0,05^2} )) = 390$$

Cỡ mẫu cho nghiên cứu này tối thiểu là 390 mẫu (hộ). Để đảm bảo đủ số mẫu 390, tác giả đã lấy thêm 10% là 39 bảng để tránh trường hợp các bảng bị lỗi và thiếu thông tin.

Dựa trên danh sách các hộ được thu thập từ Ủy ban nhân dân các xã. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên được thực hiện để chọn các hộ điều tra. Mỗi hộ gia đình chỉ đại diện một người để khảo sát. Danh sách các hộ được chọn và gửi cho các điều tra viên để tiến hành điều tra hộ. Nếu bất kỳ hộ nào mà không thể phỏng vấn điều tra sau 3 lần điều tra viên đến hộ, thì điều tra viên sẽ tiến hành điều tra hộ lân cận để thay thế. Trường hợp được mời làm người hướng dẫn giúp xác định hộ nằm trong danh sách hộ được chọn để điều tra.

### ***Phương pháp phân tích dữ liệu***

- Phương pháp thống kê mô tả (Descriptive Statistics)

- Phân tích nhân tố khám phá EFA (Exploratory Factors Analysis):

- Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến (Multiple Linear Regression Analysis):

- Phân tích sâu Anova một yếu tố (post-hoc One-way Anova)

## **PHẦN 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

### **4.1 Giới thiệu khái quát về mẫu điều tra**

### **4.2 Phân tích ảnh hưởng của vốn sinh kế đến kết quả giảm nghèo dựa vào du lịch đối với hộ dân tộc thiểu số tại tỉnh An Giang**

#### **4.2.1 Kiểm định độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha**

#### **4.2.2 Phân tích nhân tố khám phá (EFA)**

#### **4.2.3 Phân tích hồi quy tuyến tính**

Kết quả phân tích tương quan cho thấy, tất cả các biến độc lập đều có tương quan cùng chiều với biến phụ thuộc ở mức ý nghĩa nhỏ hơn 0,05, điều này chứng tỏ các nhân tố này có mối quan hệ với biến “Kết quả giảm nghèo” là biến phụ thuộc có mối quan hệ tuyến tính với 05 biến độc lập gồm: Vốn con người, Vốn xã hội, Vốn tài chính, Vốn tự nhiên, Vốn thể chế.

#### **Kết quả phân tích mô hình hồi quy**

Kiểm tra thông qua phân tích hệ số tương quan giữa các biến độc lập và “Kết quả giảm nghèo”. Kết quả kiểm định cho thấy có mối quan hệ tuyến tính giữa các cặp biến này, hệ số tương quan  $r$  có giá trị đạt từ 0,163 đến 0,577 và các ý nghĩa Sig. (2 tailed) = 0,000 < 0,05.

Tất cả các giá trị VIF trong mô hình hồi quy tuyến tính đều lớn hơn 1 và nhỏ hơn 3 (< 5), chứng tỏ không vi phạm giả định đa cộng tuyến, các kết quả của mô hình hồi quy là đáng tin cậy để phân tích tiếp. Kiểm định Durbin – Watson có giá trị  $D = 1,565$  cho thấy mô hình không có hiện tượng tự tương quan giữa các phần dư. Sau khi kiểm tra các giả định của mô hình hồi quy tuyến tính, các giả định đều không bị vi phạm nên các kết quả ước lượng của mô hình hồi quy là đáng tin cậy.

Kết quả phân tích cho thấy 5 nhân tố ảnh hưởng đến “Kết quả giảm nghèo của hộ DTTS tỉnh An Giang” (tương quan cùng chiều). Các giá trị Sig. (2 tailed) = 0,000 (< 0,05) nên các quan hệ này đều

có ý nghĩa thống kê. Tiếp theo, tất cả 5 biến độc lập trên vào mô hình phân tích hồi quy để giải thích cho sự thay đổi của biến “Kết quả giảm nghèo”.

Thông số F có giá trị bằng 103,335, với mức ý nghĩa Sig. = 0,000, điều này chứng tỏ mô hình hồi quy xây dựng là phù hợp và các biến đưa vào đều mô hình nghiên cứu có ý nghĩa về mặt thống kê. Như vậy, các biến độc lập trong mô hình có quan hệ với biến phụ thuộc “Kết quả giảm nghèo của hộ DTTS - Y”. Kết quả cho thấy phương trình hồi quy có ý nghĩa thống kê, chứng tỏ cả 5 nhân tố đều ảnh hưởng đến Kết quả giảm nghèo của hộ DTTS, mô hình hồi quy đa biến là phù hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được. Với mức tin cậy lựa chọn 95%, kết quả hồi quy cho thấy cả 5 nhân tố của mô hình nghiên cứu đều có tác động đến Kết quả giảm nghèo của hộ DTTS. Trong đó, nhân tố vốn con người có ảnh hưởng tích cực lớn nhất đến Kết quả giảm nghèo của hộ DTTS với Beta = 0,462 kế tiếp là nhân tố vốn tài chính với Beta = 0,371; kế tiếp là nhân tố vốn xã hội với Beta = 0,330; kế tiếp là nhân tố vốn tài tự nhiên với Beta = 0,261; cuối cùng là nhân tố vốn thể chế với Beta = 0,241.

**Bảng 4.2: Phân tích ANOVA**

Mô hình	R	R2	R2 điều chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Durbin-Watson
1	.757a	.574	.568	.51043	1.565

(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra của tác giả năm 2021)

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính bội (Bảng 4.2) cho thấy mô hình có hệ số xác định R2 = 0,574 và hệ số xác định điều chỉnh R2 = 0,574. Kết quả R2 điều chỉnh = 0,574 nói lên độ thích hợp của mô hình là 57,4% và 5 biến độc lập giải thích được 57,4% sự biến thiên của biến phụ thuộc “Y”.

**Bảng 4.3: Tóm tắt mô hình**

Mô hình		Tổng bình phương	df	Mean Square	F	Sig.
1	Hồi quy	134.615	5	26.923	103.335	.000b
	Phần dư	100.048	384	.261		
	Tổng	234.663	389			

(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra của tác giả năm 2021)

**Bảng 4.4: Hệ số hồi quy**

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	Kiểm định student (t)	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Độ lệch chuẩn	Beta		Tolerance	VIF	
1	Hằng số	-2.785	.356		-7.824	.000	
	VONCN	.462	.034	.488	13.681	.000	.874
	VONTAICHINH	.371	.055	.242	6.737	.000	.857
	VONXH	.330	.039	.283	8.368	.000	.971
	VONTN	.261	.047	.189	5.550	.000	.957
	VONTC	.241	.036	.231	6.800	.000	.965

(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra của tác giả năm 2021)

Kết quả hồi quy cho thấy, cả 5 biến độc lập trong mô hình nghiên cứu đều có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc (Kết quả giảm nghèo) của hộ DTTS ở tỉnh An Giang với mức ý nghĩa Sig. < 0,05.

### 4.3 Đánh giá các vốn sinh kế của hộ dân tộc thiểu số ở tỉnh An Giang

**Vốn con người:** Trong 6 biến đo lường, giá trị trung bình dao động từ 3,96 – 4,58, trong đó biến có giá trị trung bình cao nhất là “Hộ ông/bà có kiến thức về du lịch và kỹ năng giao tiếp tốt thì giúp

gia đình ông/bà tham gia tốt các hoạt động du lịch” (4,58), biến có giá trị trung bình thấp nhất là “Số lượng thành viên trong độ tuổi lao động của hộ ông/ bà nhiều thì thuận lợi cho gia đình mình tham gia các hoạt động du lịch”.

**Vốn xã hội:** Trong 8 biến đo lường, giá trị trung bình dao động từ 4,10 – 4,58, trong đó biến có giá trị trung bình cao nhất là “Hộ ông/bà có thái độ niềm nở và thân thiện với khách du lịch” (5,64), biến có giá trị trung bình thấp nhất là “Hệ thống điện nước đảm bảo giúp hộ ông /bà kinh doanh du lịch dễ hơn”.

**Vốn tài chính:** Nhóm có 5 biến đo lường, giá trị trung bình dao động từ 3,99 – 4,66, trong đó, biến có giá trị trung bình cao nhất là “Hộ ông/bà được vay vốn ưu đãi ở địa phương để kinh doanh du lịch dễ hơn” (4,66), biến có giá trị trung bình thấp nhất là “Các phương tiện, máy móc và thiết bị hỗ trợ cho hộ ông/ bà phục vụ du khách dễ hơn” (3,99).

**Vốn tự nhiên:** Nhóm này gồm 8 biến đo lường với giá trị trung bình dao động từ 3,57 – 4,10, trong đó, biến có giá trị trung bình cao nhất là “Sở hữu ngôi nhà truyền thống giúp hoạt động du lịch của hộ ông/bà dễ hơn” (4,10) biến có giá trị trung bình thấp nhất là “Hoạt động du lịch của hộ ông/bà dựa vào đất ruộng của gia đình” (3,57).

**Vốn thể chế:** Nhóm này gồm 8 biến đo lường với GTTB dao động từ 3,77 – 4,30, trong đó biến có giá trị trung bình cao nhất là “Hỗ trợ vốn của địa phương giúp cho hộ ông/bà kinh doanh các dịch vụ du lịch dễ hơn” (4,30) và biến “Chính quyền hỗ trợ công tác xúc tiến quảng bá xúc tiến du lịch giúp hộ ông/ bà kinh doanh các dịch vụ du lịch dễ hơn” (4,30)” biến có giá trị trung bình thấp nhất là “Hộ ông/ bà tham gia vào ban quản lý du lịch tại địa phương giúp kinh doanh du lịch của hộ ông/bà dễ hơn” (3,77). Đối với các hộ DTTS các hỗ trợ vốn và hỗ trợ xúc tiến quảng bá của chính quyền địa phương góp phần hỗ trợ cho các hộ DTTS trong phát triển du lịch.

#### **4.4 Kiểm định sự khác biệt về vốn sinh kế du lịch giữa ba nhóm hộ người Chăm, Hoa, Khmer**

Vốn con người của ba nhóm hộ người Khmer, Hoa, Chăm có sự



khác biệt với nhau, vốn con người hộ người Hoa cao nhất so với hai nhóm hộ Chăm và Khmer. Đối với vốn xã hội của hộ người Khmer không khác biệt với hộ người Chăm, nhưng hộ người Hoa lại khác với hộ người Chăm và Khmer. Còn vốn kinh tế của ba nhóm hộ người Khmer, Hoa, Chăm có sự khác biệt với nhau, trong đó vốn kinh tế người Hoa cao nhất, rồi đến hộ người Chăm và sau đó là hộ người Khmer. So sánh về vốn tự nhiên, hộ người Khmer khác với hộ người Chăm và người Hoa. Tuy nhiên hộ người Chăm không có sự khác biệt về vốn tự nhiên với người Hoa. Vốn thể chế của hộ người Khmer khác với hộ người Chăm và Hoa, trong khi đó giữa hộ người Chăm và người Hoa không có sự khác biệt.

#### **4.5 Các hoạt động sinh kế của hộ dân tộc thiểu số tỉnh An Giang**

Theo bảng 4.16 có thể thấy rằng trong tổng 100% thu nhập của hộ DTTS có nhiều hoạt động sinh kế đóng góp như làm vườn, làm ruộng, chăn nuôi, công nhân nhà máy, cán bộ viên chức, buôn bán, du lịch và các dịch vụ liên quan, trợ cấp, thân nhân giúp đỡ và công việc khác. Trong đó mức độ đóng góp du lịch (19,83%) và làm ruộng (19,70%) là cao nhất, kế đến là làm vườn chiếm 17,33%, chăn nuôi chiếm 13,09% và buôn bán chiếm 12,14%. Trong đó, mức độ đóng góp vào sinh kế thấp nhất là các công việc khác chiếm 1,07%. Có thể thấy rằng, du lịch cũng là một phần thu nhập quan trọng đóng vào tổng thu nhập của hộ gia đình DTTS bên cạnh các hoạt động sinh kế liên quan nông nghiệp.

Theo đánh giá của hộ DTTS được khảo sát, làm vườn, làm ruộng, chăn nuôi, du lịch và buôn bán là các sinh kế quan trọng đối với hộ, được đánh giá ở mức rất quan trọng, trong đó công nhân nhà máy, cán bộ viên chức và trợ cấp được đánh giá mức là bình thường, thân nhân giúp đỡ và công việc khác được đánh giá ở mức không quan trọng.

Các hoạt động du lịch mà hộ DTTS tham gia cũng đa dạng như lái xe vận chuyển khách, lái tàu (thuyền) vận chuyển khách, kinh

doanh homestay, làng nghề truyền thống, sản xuất hàng lưu niệm, bán hàng lưu niệm, bán ăn uống quanh các điểm du lịch, làm công trong homestay, làm công trong quán ăn phục vụ khách du lịch, làm công trong quán ăn phục vụ khách du lịch, cung cấp rau củ quả cho các điểm homestay, cung cấp thịt cá cho các điểm homestay, biểu diễn (văn nghệ/ nghề truyền thống/ trò chơi truyền thống, lễ hội), dịch vụ lao động phổ thông cho các điểm du lịch (chăm sóc cây cảnh, massage, thợ sơn, thợ điện, khác trong đó, “bán dịch vụ ăn uống quanh các điểm du lịch (22,60%) và “làng nghề truyền thống (15,24%)” chiếm tỉ lệ cao là kinh doanh homestay bình quân thu nhập cao nhất là 10,06 triệu/ tháng/ người, thấp nhất các công việc khác 2,27 triệu/ tháng/ người

#### **4.6 Tác động đến giảm nghèo của du lịch đối với hộ dân tộc thiểu số tỉnh An Giang**

##### **4.6.1 Kết quả từ phỏng vấn sâu**

Thông qua phỏng vấn sâu đã nhấn mạnh và đồng quan điểm với kết quả khảo sát, khi tham gia làm du lịch hộ DTTS tỉnh An Giang có những thay đổi đáng kể về phương diện kinh tế vì hộ DTTS có tham gia các hoạt động du lịch lái tàu vận chuyển, làng nghề truyền thống, bán ăn uống, bán hàng lưu niệm, kinh doanh homestay nên góp phần tăng thêm thu nhập cho họ ngoài hoạt động sinh kế chính, ngoài ra, có cải thiện đáng kể về mặt giảm nghèo trên phương diện tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho các hộ DTTS nổi bật ở các khía cạnh dịch vụ y tế, giáo dục, chất lượng nhà ở, nguồn nước sạch, vệ sinh môi trường, dịch vụ internet, thiết bị tiếp cận thông tin của hộ. Trên phương diện sinh kế và văn hóa xã hội ở các khu vực Tịnh Biên, Tri Tôn, Châu Phú, Tân Châu và thành phố Châu Đốc sau khi làm du lịch hộ DTTS có những thay đổi đáng kể về phương diện sinh kế và văn hóa xã hội.

##### **4.6.2 Kết quả từ khảo sát bằng hỏi về tác động giảm nghèo của du lịch**

###### **4.6.2.1 Kết quả giảm nghèo trên phương diện kinh tế**

Trong 7 biến đo lường này, trong đó biến “Kinh tế gia đình của hộ ông/bà được cải thiện” có trị số cao nhất (4,47), hộ DTTS cho rằng du lịch mang lại lợi ích kinh tế, tăng thu nhập cho gia đình được cải thiện hơn sau khi tham gia du lịch; Du lịch tạo ra nhiều việc làm; Du lịch giúp tiếp cận thị trường tốt hơn, Du lịch giúp các vùng xa phát triển kinh tế. Điều này cho thấy du lịch mang lại lợi ích kinh tế cho hộ DTTS có thể tạo thêm nguồn thu nhập từ du lịch thay vì chỉ phụ thuộc vào một nguồn thu từ nông nghiệp.

#### **4.6.2.2 Kết quả giảm nghèo trên phương diện tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản**

Trong 15 biến đo lường, sự đánh giá của người dân đối với biến đo lường của yếu tố giảm nghèo trên phương diện tiếp cận dịch vụ xã hội sau khi tham gia du lịch dao động từ 3,91 – 4,449. Trong đó, biến có chỉ số likert thấp nhất là “Chất lượng nhà ở của hộ ông/bà được cải thiện”; “Hộ ông bà không có diện tích nhà nhỏ hơn 8 m<sup>2</sup>” (3,91); biến có chỉ số likert cao nhất là “Ông/bà được tham gia nhiều các lớp tập huấn và tham gia học nghề tại các trung tâm dạy nghề của địa phương” (4,49). Rõ ràng là người dân tham gia du lịch thì dễ dàng tiếp cận với các dịch vụ xã hội.

#### **4.6.2.3 Kết quả giảm nghèo ang trên phương diện sinh kế và văn hóa xã hội**

Các biến đo lường được đánh giá ở mức trung lập, dao động từ 3,92 – 4,52. Trong đó, biến có chỉ số likert thấp nhất là “Hệ thống phương tiện vận chuyển công cộng tại khu vực của ông/bà được đầu tư”, biến có chỉ số likert cao nhất là “Tình trạng an ninh trật tự tại khu vực của hộ ông/bà được đảm bảo”.

#### **4.7 So sánh sự khác biệt về kết quả giảm nghèo của du lịch đối với ba nhóm hộ dân tộc thiểu số tỉnh An Giang**

Từ ba phần kiểm định trên, điều chỉ ra rằng hộ người Chăm có mức độ giảm nghèo thông qua du lịch ở tất cả phương diện kinh tế, tiếp cận các dịch vụ xã hội, sinh kế và văn hóa xã hội đều ở mức thấp nhất so với hộ người Hoa và người Khmer.

## **PHẦN 5: BÌNH LUẬN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH**

### **5.1 Bình luận kết quả nghiên cứu**

Kết quả nghiên cứu cũng ủng hộ quan điểm của Võ Văn Tuấn & Nguyễn Cảnh Dũng (2015) cho rằng chất lượng vốn con người có tác động tích cực đến chiến lược đa dạng hóa sinh kế của hộ gia đình vì họ có thể thực hiện các hoạt động phi nông nghiệp hoặc có lao động làm thuê trong nông nghiệp, công nghiệp và khai thác tự nhiên. Mặt khác, vốn con người là nguồn vốn quan trọng nhất trong chiến lược phát triển sinh kế, vì con người là người tạo ra các hoạt động sinh kế (Triệu Văn Hùng, 2013). Elis (2000) chỉ ra rằng vốn con người rất quan trọng trong việc khuyến khích sử dụng các nguồn lực khác, các loại tài sản sinh kế. Mặc dù nghiên cứu được thực hiện trên các hộ gia đình là người dân tộc thiểu số, nhưng kết quả vẫn xem xét đến vốn con người. Đây là yếu tố chính để giảm nghèo ở các hộ dân tộc thiểu số, và cần có chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng vốn con người nếu muốn du lịch mang lại lợi ích cho người nghèo.

Mặc dù nghiên cứu cũng chỉ ra vốn con người là nguồn vốn quan trọng nhất trong chiến lược phát triển sinh kế cho hộ DTTS, điểm mới phát hiện ra là vốn con người là yếu tố chính để hộ DTTS có thể giảm nghèo thông qua du lịch, vốn con người tốt sẽ tác động đến các nguồn vốn xã hội, tài chính, tự nhiên ở các hộ dân tộc thiểu số. Do đó, cần có chính sách phù hợp để nâng cao chất lượng vốn con người nếu muốn du lịch mang lại lợi ích cho người nghèo. Ở các nghiên cứu trước đây đa phần các tác giả chỉ nghiên cứu chung hộ DTTS, còn đối với luận án, điểm mới nghiên cứu đã so sánh về vốn sinh kế và kết quả giảm nghèo của ba nhóm hộ người Chăm, Hoa, Khmer, kết quả chỉ ra người Hoa có vốn sinh kế và kết quả giảm nghèo thông qua du lịch là tốt nhất, kế đến là người Khmer và cuối cùng là người Chăm. Thông qua việc so sánh này có thể thấy rõ bức tranh riêng cho từng nhóm hộ để chính quyền địa phương có giải pháp đặc thù riêng cho từng đối tượng hộ DTTS để mang lại kết quả giảm nghèo hiệu quả nhất.

Nhấn mạnh mối quan sinh kế du lịch và vốn con người, nếu người dân được đào tạo và có kiến thức, kỹ năng tốt về du lịch thì họ sẽ có chiến lược kinh doanh du lịch để tăng thu nhập hộ gia đình và góp phần thoát nghèo. Người Chăm hạn chế về vốn con người, có ràng buộc tôn giáo nên phụ nữ bị hạn chế về cơ hội học hành, hạn chế về trang thiết bị để tiếp cận thông tin, hạn chế về giao lưu học hỏi kinh nghiệm bên ngoài. Kết quả nghiên cứu cũng ủng hộ những nhận định trước đó của Mitchell & Ashley (2010); Pleumarom (2012) rằng những người có nhiều kiến thức, kỹ năng, vốn và các mối quan hệ có xu hướng hưởng lợi nhiều hơn từ du lịch.

Cùng quan điểm với các nghiên cứu trước Đồng Thị Thanh và cộng sự (2019); Nguyễn Hồng Thu (2019) và Adger (1999), bằng việc tận dụng vốn sinh kế như xã hội, tài chính, tự nhiên, thể chế và nâng cao vốn con người, chúng ta có thể hỗ trợ các hộ gia đình phát triển tốt hoạt động du lịch. Cách hiểu này tương tự như quan điểm cho rằng vốn xã hội, vật chất và tài chính thúc đẩy người dân đạt được kết quả sinh kế tốt. Các vốn con người, tự nhiên, xã hội, vật chất, tài chính có mối quan hệ qua lại và tương tác cũng như hỗ trợ lẫn nhau.

Kết quả nghiên cứu cũng ủng hộ theo quan điểm của các nghiên cứu trước đây của Sen (1999) và Lê Ngọc Phương Quý (2021) cho rằng các hộ DTTS gặp phải nhiều bất lợi và rào cản trong việc tiếp cận các nguồn vốn cần thiết như giáo dục, vốn, thị trường, nên cần xem xét vốn sinh kế mà đặc biệt là điều kiện về trình độ học vấn vì hạn chế về nguồn vốn sinh kế thì kết quả giảm nghèo của du lịch cũng không cao.

Luận án cũng chỉ ra cùng quan điểm cho rằng vốn sinh kế có sự khác biệt của 3 nhóm hộ, sự khác biệt này sẽ ảnh hưởng đến mức độ giảm nghèo khác, do đó khi đề xuất giải pháp giảm nghèo thì cần có tính linh hoạt để phù hợp với đời sống văn hóa và đặc điểm sinh kế riêng của mỗi nhóm (Lê Ngọc Phương Quý, 2021).

Nghiên cứu cũng ủng hộ quan điểm với Kwai và cộng sự (2020); Hoang và cộng sự (2020); Deanbraber (2018); Adiyia và

cộng sự (2017); Wiranatha và cộng sự (2017); Worku (2017); Scheyvens & Russell (2012); Muganda và cộng sự (2010) thông qua du lịch giúp hộ DTTS được cải thiện cuộc sống, tạo việc làm và tăng thu nhập. Kết quả nghiên cứu của luận án cũng cùng quan điểm với Wang và cộng sự (2020) cho rằng du lịch được xem là chiến lược xóa đói giảm nghèo quan trọng, các tác động giảm nghèo có thể bao gồm trình độ kinh tế, điều kiện sinh kế, giáo dục đào tạo và chăm sóc sức khỏe. và so sánh ba nhóm hộ Chăm, Hoa, Khmer để thấy rõ sự khác biệt về tác động giảm nghèo của du lịch của ba nhóm hộ.

## **5.2 Khuyến nghị chính sách nâng cao sinh kế dựa vào du lịch cho các hộ dân tộc thiểu số tỉnh An Giang**

Cần chú ý đến yếu tố vốn con người để phát triển du lịch. Mở các lớp đào tạo, hướng dẫn dân địa phương tiếp cận đến du lịch và du lịch cộng đồng cần phải tóm lược những lý thuyết ấy một cách ngắn gọn, đơn giản và dễ hiểu, nếu được có thể được phiên dịch ra tiếng của dân tộc để những hộ dân tham gia vào các mô hình du lịch có thể tiếp cận dễ dàng hơn. Đào tạo về kỹ năng đón tiếp và phục vụ khách du lịch. Yếu tố về cộng đồng, xã hội luôn được đề cao. Các nét đặc trưng của làng nghề truyền thống cũng được chú trọng nhiều hơn, bên cạnh đó là những mối quan hệ xã hội phải được đặc biệt chú trọng. Tập trung phát triển cơ sở hạ tầng để phục vụ du lịch một cách tốt nhất. Cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường tại các hộ dân đặc biệt là các hộ tham gia làm du lịch. Có kế hoạch đầu tư và xây dựng các hệ thống internet, hệ thống điện nước, trang bị các thiết bị tiếp cận thông tin để đảm bảo hỗ trợ và tạo điều kiện cho phát triển du lịch. Nên có chính sách phát triển nền kinh tế phù hợp, phát triển nhiều thiết bị máy móc để làm du lịch. Cần xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư và có chế độ hỗ trợ, ưu đãi đối với người nông dân tham gia hoạt động du lịch, tạo được niềm tin vào việc kinh doanh du lịch cho cộng đồng địa phương.

## **5.3 Khuyến nghị chính sách nâng cao kết quả giảm nghèo của du lịch đối với hộ dân tộc thiểu số tỉnh An Giang.**

Khuyến khích các dự án khởi nghiệp, xây dựng mô hình giảm nghèo gắn với lợi thế của địa phương. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động DTTS tìm kiếm việc làm, đặc biệt là trong lĩnh vực dịch vụ - du lịch. Cần có chính sách đãi ngộ và hỗ trợ thuế cho danh nghiệp khi đến đầu tư và phát triển du lịch ở vùng DTTS vì khi danh nghiệp đến đầu tư sẽ tạo nhiều cơ hội việc làm cho hộ DTTS, đồng thời mở rộng thị trường, giúp hộ DTTS tiếp cận thị trường và mở ra cơ hội phát triển kinh tế cho vùng DTTS khi có nhiều du khách đến và biết về nơi đây.

Chú trọng phát triển giáo dục ở vùng DTTS, đặc biệt cần vận động con em của hộ DTTS đến trường theo đúng độ tuổi, có chính sách hỗ trợ chi phí học tập và dụng cụ học tập để cha mẹ của con em hộ DTTS yên tâm cho con em đến trường vì không đủ tiền. Vì nếu các em được học tập thì sẽ cải thiện chất lượng nguồn nhân lực của hộ DTTS, họ sẽ có đủ kiến thức và kỹ năng để phát triển thoát nghèo.

Y tế cần được quan tâm cho hộ DTTS thiếu số nhằm giảm bớt chi phí gánh nặng khám và chữa bệnh, như hỗ trợ bảo hiểm y tế và cấp thuốc miễn phí. Đồng thời cần trang bị cho các cơ sở y tế tại vùng DTTS thiết bị y tế hiện tại để đảm bảo nhu cầu chữa bệnh trong các trường hợp cho khách du lịch.

Công tác vệ sinh môi trường cần được chú trọng, chính quyền cần khuyến khích và phát động làm đẹp cảnh quan môi trường tại các vùng DTTS, đặt các thùng rác để khách du lịch và người dân sử dụng nhằm tránh tình trạng vứt rác bừa bãi.

Cần quan tâm đến các vấn đề hệ thống hạ tầng, thông tin liên lạc, dịch vụ vui chơi giải trí, hạn chế sự di cư, bảo tồn văn hóa địa phương và an ninh trật tự. Trong ba nhóm hộ thì hộ người Chăm đang ở mức thấp nhất về giảm nghèo trên phương diện sinh kế, văn hóa, xã hội, do đó chính quyền địa phương cần quan tâm một số giải pháp sau đây:

Chính sách bảo tồn và phát huy các lễ hội, phong tục tập quán, âm thực truyền thống của địa phương để tạo thành các tài nguyên

phát triển du lịch, đồng thời bảo tồn được bản sắc văn hóa cho thế hệ mai sau, tránh các vấn đề thương mại hóa văn hóa trong du lịch, khuyến khích hộ dân tộc thiểu số phát triển sản phẩm du lịch dựa trên bản sắc văn hóa địa phương, đồng thời tạo thêm sinh kế cho đối tượng người già.

Hoàn thiện các chương trình, chính sách giảm nghèo theo hướng tích hợp, hạn chế nhiều đầu mối, tránh chồng chéo, tập trung nguồn lực và nâng cao kết quả giảm nghèo.



## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ LIÊN QUAN LUẬN ÁN

### 1) Đề tài khoa học

TT	Đề tài	Hình thức tham gia	Cấp quản lý	Năm thực hiện
1	Đánh giá năng lực và hoạch định sinh kế dựa vào du lịch của các hộ dân tộc thiểu số ở tỉnh An Giang	Chủ nhiệm	Trường	2021-2022

### 2) Bài báo khoa học và hội thảo

TT	Tác giả	Tên bài	Tên tạp chí	Số - năm
1	Le Thi To Quyen & Tran Huu Tuan	Tourism impacts of poverty alleviation on ethnic households: Comparing difference between Cham, Khmer, Chinese ethnic households in An Giang province, Vietnam.	International Journal of Professional Business Review (Q4)	7(4), p1-22
2	Lê Thị Tố Quyên Trần Hữu Tuấn	Giải pháp nâng cao năng lực sinh kế dựa vào du lịch của hộ dân tộc thiểu số Khmer ở tỉnh An Giang	TED-2022 Proceedings of the International Conference on Culture, Education, and Tourism with Economic Development	26/8/2022
3	Lê Thị Tố Quyên Trần Hữu Tuấn	Đề du lịch góp phần giảm nghèo cho người Khmer An Giang	Tạp chí du lịch	9/2022
4	Lê Thị Tố Quyên Trần Hữu Tuấn	Năng lực sinh kế dựa vào du lịch của hộ dân tộc thiểu số (Nghiên cứu	Tạp chí nghiên cứu dân tộc	3/2021

	Tuấn Lê Minh Hiếu	trường hợp hộ dân tộc Khmer ở tỉnh An Giang)		
5	Lê Thị Tô Quyên & Trần Hữu Tuấn	Nhân tố tác động đến năng lực sinh kế dựa vào du lịch của hộ DTTS tỉnh An Giang	Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn	Đã chấp nhận, đang chờ đăng
6	Lê Thị Tô Quyên & Trần Hữu Tuấn	Thực trạng và giải pháp giảm nghèo thông qua du lịch đối với đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh An Giang	Ki yếu hội thảo giải pháp phát triển kinh tế - xã hội bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số vùng ĐBSCL	10/5/2023
7	Lê Thị Tô Quyên & Trần Hữu Tuấn	Thuận lợi và khó khăn trong việc phát triển các mô hình du lịch cộng đồng dựa vào các giá trị văn hóa của người Khmer ở tỉnh An Giang	Ki yếu hội thảo giải pháp bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, “tạo sinh kế” bền vững cho người nghèo và đồng bào Khmer vùng ĐBSCL	19/9/2023
8	Le Thi To Quyên & Tran Huu Tuan	Situation of minority households' poverty reduction through tourism in An Giang province	5th international conference on tourism development in Vietnam: future of tourism, leisure, and sport	2022

HUE UNIVERSITY  
SCHOOL OF TOURISM



LE THI TO QUYEN

RESEARCH ON LIVELIHOODS AND POVERTY  
REDUCTION OF TOURISM FOR ETHNIC MINORITY  
HOUSEHOLDS IN AN GIANG PROVINCE

Major: Tourism

Code: 9810101

TOURISM DOCTORAL DISSERTATION

HUE, 2024

The research was completed at: **School of Tourism, Hue Univeristy**

Supervisor: **Assoc. Prof. Dr. Tran Huu Tuan**

Review 1: .....

.....

Review 2: .....

.....

Review 3: .....

.....

Thesis defended at the Hue University Thesis Examining Council  
meeting .....

.....

Hours ... on ... day ... month ... .....

Thesis can be researched at the library: .....

.....

## **PART 1. INTRODUCTION**

### **1.1 THE RATIONALE OF THE STUDY**

Tourism is regarded as a critical economic sector in numerous nations worldwide as a result of the current trend towards globalisation, which generates residual effects that stimulate the growth of other economic sectors referred to as "industries." "Smokeless" generates foreign exchange for numerous nations. Tourism, in addition to fostering sustainable socioeconomic development in local communities and aiding in the eradication of hunger and poverty in certain developing nations, is a significant contributor to the development of prosperity (Muganda et al., 2010; Scheyvens and Russell, 2012; Ap and Crompton, 1988). The tourism industry, as reported by the World Tourism Organisation (UNWTO, 2022), made a 1.9 billion USD contribution in 2021. It is a critical economic sector that not only contributes financially but also has a significant social impact, particularly in terms of alleviating destitution among the populace. Tourism is widely acknowledged as a significant catalyst for economic progress, particularly in developing nations. At present, tourism is the leading or second largest contributor to export earnings in twenty of the forty-eight least developed countries, with ten more exhibiting consistent growth (UNWTO, 2022).

Numerous studies have demonstrated that tourism has contributed to the alleviation of poverty in local communities. Sustainability for the socio-economic development of local communities is achieved through the creation of jobs and an increase in income for individuals (Kwai et al., 2020; Hoang et al., 2020; Deanbraber 2018; Adiyia et al., 2017; Wiranatha et al., 2017; Worku, 2017; Scheyvens and Russell, 2012; Muganda et al., 2010). Vietnam's socio-economic development plan and poverty reduction objectives now place a significant emphasis on the tourism industry's numerous strengths, which have contributed to its explosive growth over the last two decades (Le Thanh Tung & Le Kien Cuong, 2020). Despite the fact that tourism development is widely recognised as a significant instrument for alleviating poverty, the implementation of pro-poor tourism must take into account all of its repercussions on the impoverished, such as their health, education, employment, and living conditions. The role of tourism in reducing poverty and starvation is exemplified by the narrowing of the urban-rural divide

and the provision of a secure and prosperous existence for ethnic minorities residing in remote regions.

In order to achieve the sustainable development goals (SDGs) of the United Nations, poverty reduction is crucial, particularly goal 1, which seeks to eradicate poverty and decrease the aggregate level of poverty (United Nations, 2015). . Poverty alleviation has the potential to foster sustainable development, increase economic expansion, and enhance individual welfare (World Bank, 2020).

An Giang, a southwestern province, has great spiritual tourist potential. Ba Chua Xu Temple attracts tourists. As a border province with four ethnic groups—Khmer, Chinese, Cham, and Kinh—the province has a distinct cultural identity and many resources to promote cultural tourism. In recent years, An Giang has issued many documents to promote local socioeconomic development by integrating poverty reduction projects with tourism development in traditional handicraft establishments, palm sugar cooking, wickerwork, and brocade weaving, and to concretize central and provincial ethnic minority poverty reduction policies. An Giang's community tourism model has grown in popularity among domestic and foreign tourists. Chau Giang, Chau Phong, Da Phuoc, Van Giau, Vinh Trung, and An Hao are ethnic minority-populated regions that demonstrate this concept. Tourism has helped ethnic minority households diversify jobs, increase income, and improve living standards. Tourism has empowered underprivileged ethnic minority households. Since the project concluded, community tourism activities in some places have declined, failing to sustain the results.

Few studies have examined ethnic minority households' livelihoods and poverty reduction in Vietnam, and no comprehensive solutions have been suggested. Scientific research in this area is scarce, in theory. Previous studies focused on poverty policy, the state of poverty, and ways credit, agriculture, and forestry could reduce poverty for these households. Meanwhile, the sustainable livelihoods framework's assessment of tourism's livelihoods and poverty reduction contribution is limited. However, ethnic minority households' ability to promote tourism is limited, resulting in low tourist industry efficacy. In particular, An Giang has not thoroughly investigated or evaluated this matter. By finalising the livelihood framework-based theoretical model and developing strategies to help

ethnic minority households establish sustainable livelihoods, the study of tourism's livelihoods and poverty reduction addresses the research gap. Livability management, economic growth, poverty reduction, and social participation are urgent. The study "**Research on livelihoods and poverty reduction of tourism for ethnic minority households in An Giang province**" is crucial because it seeks to identify ways to help impoverished people improve their livelihoods, income, and participation in societal development

### **1.1 Research objectives**

#### **1.2.1 General objectives**

Provide scientific arguments and policy recommendations to assist ethnic minority households in An Giang province in enhancing their standard of living and reducing poverty through tourism.

#### **1.2.2 Specific objectives**

From the general goal above, specific goals include:

i. Establish a structured framework that combines the theoretical and practical foundations of how tourism supports the livelihoods of ethnic minority households and alleviates poverty.

ii. Present state of livelihoods and poverty alleviation among households belonging to ethnic minority groups in An Giang as a result of tourism development

iii. Analyses of livelihood capital influence the outcomes of tourism-induced poverty reduction for households belonging to ethnic minority groups in the province of An Giang.

iv. Policy recommendations to enhance the standard of living and alleviate destitution for households belonging to ethnic minority groups in the province of An Giang via tourism.

## **1.2 OBJECT AND SCOPE OF THE STUDY**

### **1.3.1 For statue research rescue**

- **Research subjects:** theoretical and practical issues on livelihoods and poverty reduction in tourism.

- **Survey subjects:** poor or near-poor Cham, Chinese, and Khmer ethnic minority households participating in tourism activities in Tinh Bien, An Phu District, Tan Chau District. City. Continental Director.

### **1.3.2. Research scope**

- **Scope of research content:** The thesis evaluates the conclusion that Fruit Born Next and Reduce Poor belong to

Provincial ethnic minority households An Giang, from their recommended recommendation the main book contributes part elevate High Born Next and conclude Fruit Reduce Poor gives ethnic minority households in An Giang province.

- **Spatial scope:** Research selected for implementation at 5 locations table includes: district Tinh Bien, Tri Ton District, An Phu District, and Tan Chau District. Continental Director.

- **Time scope:** Primary data is collected from February 2021 - February 2022. Secondary data was collected during the most recent 5 years from 2017-2022. The thesis was carried out from November 2019 to July 2023 New contributions of the thesis.

#### **1. 4. NEW CONTRIBUTIONS OF THE THESIS**

- Utilizing the sustainable livelihood model (SLA) to analyze livelihood capital in order to alleviate poverty among ethnic minority households in the province of An Giang is the novel aspect of this study. Conducting a comprehensive analysis of poverty reduction levels across various ethnic minority household groups using Anova. Consequently, five capital sources that influence the outcomes of poverty reduction for households belonging to ethnic minorities in the province of An Giang have been identified. These findings provide a foundation for suggesting suitable policy recommendations.

- The research employs multidimensional poverty measurement criteria to examine the reduction of poverty among households belonging to ethnic minorities during the period 2022-2025. This analysis is predicated on a sustainable livelihood framework and the degree of deficiency in fundamental social services. Under this methodology, not solely income but also every facet of the lives of households belonging to ethnic minorities would be considered as criteria for escaping poverty. This finding represents a departure from prior research, which exclusively concentrated on household income.

- Based on the outcomes of poverty reduction in economic aspects, access to basic social services, livelihoods, culture, and society among household groups, tourism management agencies can more effectively develop poverty reduction and tourism strategies and policies by developing strategies and policies that are suitable for each household group.



## **1.5. SCIENTIFIC AND PRACTICAL MEANING OF THE THESIS**

First, research rescue fight price okay the source capital belong to ethnic minority households in An Giang province. On that basis, the main permission land recognizable way year source capital born next belong to ethnic minority households in An Giang province from there Have the prize France and main book to broadcast develop year source capital born next give ethnic minority households at This to elevate High broadcast tourism development \_ and erase hungry reduce poor.

Second, the results of the analysis of the weak element image conclude fruit reduces poor Okay can presently The research results have made an important contribution to a better understanding of the cause core poor hungry belong to ethnic minority households and the cabbage good to family increase signal tourism results \_ in reduce poverty, based on these influencing factors the beside contact mandarin will Have these determined directions, solution France and recommended recommendation main book edema fit give job broadcast tourism development \_ elevate High understand fruit reduce poor give ethnic minority households in An Giang province.

Rank three, ending comparison results \_ level degree other special about conclude fruit reduce poor belong to father group household Chinese, Cham, Khmer people will To be muscle department to Have main book private edema fit with ever opposite to statue ethnic minority households rely on above capital born next belong to ever group household.

Rank private, research rescue also Satisfied Completing, supplementing, and making new contributions to theory, research methods, and analysis results is very meaningful in terms of providing information and documents for research, teaching, and reference materials for students. born pellets and lecture pellets Tourism. \_ \_

## **PART 2. SCIENTIFIC BASIS OF LIVELIHOOD AND POVERTY REDUCTION OF TOURISM FOR ETHNIC MINORITY HOUSEHOLDS**

### **2.1 Theoretical framework theory born next durable solid**

#### **2.1.1 Concept of Livelihood**

Department for International Development (DFID, 2000) for that born next possible included capabilities \_ the source force on

one's course, business economic, commune festival and literature chemistry but the fish person, household family, or group commune festival department property Have can create go out collect import to elevate High life living object matter and pure God or Have can Okay history use, give a change to replied response soft bridge belong to Surname in the living.

### **2.1.2 The concept of sustainable livelihood**

Chambers & Conway (1992) para that "one born next Okay give To be durable solid When but born next there opposite to deputy and dress Anise from these stretch straight and the owl Shocked, only maintain or increase strong possible power the talent production, supply grant the muscle festival born next durable solid give the hehe generation next follow, bring again happiness profit give grant land direction and add copper in the short term and long term".

### **2.1.3 Components of the Sustainable Livelihood Framework**

According to the Department for International Development - DFID (2000), resources product born design included \_ the capital on one's nature (N), thing substance (P), commune society (S), people (H), and talent main (F). Drinkwater & Rusinow (1999) para that group the talent product born next wall father type, capital core force (meaning To be possible power born next), capital commune association (i.e To be the Love bridge waiter often and possible power next year), and capital terrible international (i.e To be warehouse attend reserve and talent original).

### **2.1.4 Concept of livelihood based on tourism**

According to Fujun ( 2009) "*Livelihood based into tourism \_ include Core livelihood assets (natural, human, financial capital political, social and institutional), tourism-related activities, and ways approach these activities to provide means of living*".

### **2.1.5 Livelihood capital based on tourism of ethnic minority households**

Fujun and Add (2008) for that soy sauce on one's own like the capital born next in frame born next durable (SLF) of DFID (2000), the capital born travel plan \_ very mandarin important opposite to with People poor and To be central heart belong to frame born next durable solid for travel. \_ Capital born Travel plan in frame \_ born next durable solid for travel included \_ \_ human capital, capital \_

commune association, capital on one's own course, capital talent main and capital can regime.

## **2. 2. Reduce poor of tourism \_ opposite to with household people clan minimal number**

### **2.2.1 Reduce poor and conclude fruit reduce poor through travel \_**

According to Komathi & Rossazana (2018) conclude fruit reduce poor through travel \_ To be Have the replace change about salary, food, education, health care, voice and safety in people's daily lives. Meanwhile, Nwokorie (2016) said that Tourism development reduces poverty because the poor can provide products Products and Direct service to customers, Taxes from tourism can subsidize the poor and invest in infrastructure to develop tourism, bringing benefits to the poor. The pepper will to measure measure level degree reduce poor need see review such as: the number of jobs created, the reduction of immigration of people to urban areas, the creation of income sources, improved good infrastructure and information to serve the lives of the poor. Onur (2018) Developing photo tourism greatly affects the livelihoods of local people above the direction environmental, social and economic aspects. According to the Decree No. 07/2021/ND-CP dated January 27, 2021 of the Government about pandemic service commune festival muscle version, only number measure measure level lack deficit pandemic service commune festival muscle copy and threshold lack deficit in standard poor Multi afternoon 2021 -2025 then the pepper will measure measure To be job work, health care, education education, housing, water born active and guard birth , information.

## **PART 3. RESEARCH METHODS**

### **3.1 Study site**

Research rescue real presently in An Giang province, is one Among the 13 provinces in the Mekong Delta , with a natural area of 3,536.8 km<sup>2</sup> , equal to 1.03% of the country's area and ranked 4th among the 13 Mekong Delta provinces in terms of area after Kien Giang province, Ca Mau province and Bac Ninh province. Long An. The province borders Cambodia to the northwest (104 km), the southwest borders Kien Giang province (69,789 km) , the south borders Can Tho city (44,734 km), the east borders Dong Thap province (107,628 km) ( Provincial Committee An Giang, 2022).

## **3.2. Research methods**

### **3.2.1 Research approach**

Implementing research methodologies involves integrating qualitative and quantitative research, reviewing past research works and models, and assessing the current state of the study field in order to create a research model for An Giang province and suggest export measuring scales in the survey table. There is a preliminary analysis of 30 tables that will be used to adjust the official survey. Integrating qualitative research through interviews with local authorities, experts, and individuals for in-depth analysis, as well as quantitative analysis, to clearly analyse research outcomes. Research approach based on DFID's sustainable livelihoods framework (2000), Schen et al. (2008), and the tourism sustainable livelihood framework of Onur et al. (2018), and based on Decree No. 07/2021/ND-CP regulating multidimensional poverty lines for the period 2021-2025, criterion Multidimensional poverty measurement criteria are used to assess poverty reduction outcomes in three economic dimensions: access to essential social services and livelihoods, and socio-culture.

### **3.2.2 Research design**

- **Qualitative research:** With the proposed research model and measurement scale, we then consulted 6 experts in the field of tourism including (01 expert is the leader of the Tourism Management Department under the Department of Culture, Sports and Tourism of An Giang province; 5 lecturers at An Giang University and 9 households participating in tourism activities. In-depth interviews by sending feedback cards directly to experts later, collected Comment form, synthesize and receive comments (Experts and interview content are attached in the appendix). Interview content on the poverty situation of ethnic households in the area, Difficulties in escaping poverty of ethnic minority households, tourism impacts on poverty reduction of ethnic minority households, proposing effective solutions to escape poverty through the tourism model.

### **- Quantitative research**

#### **Select research area**

A multi-stage sampling procedure was utilised in this analysis (De Vaus, 2013). During the initial stage, five regions were chosen in accordance with the statistical count of households belonging to ethnic minorities: Tinh Bien district, Tri Tonne district, An Phu

district, Tan Chau town and city. Director of Continental Affairs. Respondents were selected from the list of ethnic households compiled by officials of the Ethnic Affairs Department of the Committee for Ethnic Minorities in districts and towns using a systematic random sampling procedure in the second phase. supplied by municipalities and localities. The questionnaire was evaluated by university experts and administered to thirty households belonging to ethnic minorities. Fifteen individuals were engaged in comprehensive interviews, comprising university lecturers, representatives of ethnic minority households, and local authorities.

### **Sample size**

Sample size was determined according to Taro 's formula Yamane to determine the number of households to survey.

$$N = N / (1 + N (e^2))$$

in there:

n = Number of households to be surveyed

N = Number of ethnic minority households in the province (overall).

e = Error give permission (0.05)

According to the Department Thong list An Giang province (2019) total number quantity There are 18,892 ethnic minority households in An Giang province , or N = 18,892.

$$n = 18,892 / (1 + 18,892 ( [ 0.05 ^ 2)) = 390$$

A minimum sample size of 390 observations (households) is required for this study. In order to ensure an adequate sample size of 390, the author extracted an additional 10% from each of the 39 tables to prevent instances of inaccurate data and absent tables.

According to the household roster obtained from the communes' People's Committees. The investigation involved the selection of households through a random sampling procedure. In the survey, each household is representative of a single individual. Enumerators are provided with the designated list of households in order to carry out household surveys. In the event that an enumerator is unable to interview a particular household following three visits, they will proceed with a survey of neighbouring households. The hamlet chief was extended an invitation to serve as a consultant in order to assist in the identification of households that were included in the list of

households that were chosen for investigation.

Data analysis methods

- Descriptive statistics method (Descriptive Statistics)
- Exploratory factor analysis EFA (Exploratory Factors Analysis):
  - Multivariate Linear Regression Analysis (Multiple Linear Regression Analysis):
  - In-depth analysis of one-factor Anova (post-hoc One-way Anova)

## **PART 4. RESEARCH RESULTS**

### **4.1 Overarching description of the survey sample**

**4.2 Evaluate the effect of livelihood capital on poverty reduction outcomes for ethnic minority households in the province of An Giang as measured by tourism.**

**4.2.1 Assess the scale's reliability by employing Cronbach's Alpha coefficient**

**4.2.2 Analysis of exploratory factors (EFA)**

**4.2.3 Analysis of linear regression**

The correlation analysis reveals that at a significance level of less than 0.05, all independent variables are positively correlated with the dependent variable, "Poverty reduction results." This indicates that these factors have a relationship with the dependent variable, which is linearly related to the following five independent variables: human capital, social capital, financial capital, natural capital, and institutional capital.

### **Analyses of the results of regression models**

Verify that the correlation coefficients between independent variables and "Poverty reduction results" have been thoroughly analysed. The test results indicate that these pairings of variables are related in a linear fashion; the correlation coefficient  $r$  ranges from 0.163 to 0.577, and the significance level is  $\text{Sig. (2 tailed)} = 0.000 < 0.05$ .

The fact that every VIF value in the linear regression model is greater than 1 and less than 3 ( $<5$ ) indicates that the multicollinearity assumption has not been violated; therefore, the regression model's results can be relied upon for analysis. additional research. The Durbin-Watson test yielded a D value of 1.565, indicating that the

residuals in the model are not autocorrelated. Upon verification of the linear regression model's assumptions, it was determined that none of them had been violated; therefore, the estimated results of the model are reliable.

According to the results of the analysis, "Poverty reduction outcomes for ethnic minority households in An Giang province" is influenced by five factors (correlation in the same direction). All two-tailed Sig values are 0.000 (less than 0.05), indicating that these relationships are all statistically significant. By incorporating the aforementioned five independent variables into the regression analysis model, the variation in the variable "Poverty reduction results" can be elucidated.

The available price treat for parameter F is 103.335, and the significance level Sig. is 0.000. This evidence displays a tissue image. Anise regulation construction In order to achieve edoema compliance and ensure the variable provides an even tissue image for rescue purposes regarding the face system list. The variable poison is thus generated in the tissue image. Mandarin generation with variable extra is associated with "Conclusion fruit reduce poverty household items belonging to ethnic minorities - Y." Con fruit provide guidance submit Aniseclude regulation meaningful — system list, demonstrate all five core elements, and even appreciate the arrival of an image Fruit reduction for impoverished households belonging to ethnic minorities, MO image Anise administration Diverse variables To be in accordance with the practice of evil Are history and Have able to use Okay? Achieving a confidence level of 95%, Anise regulation ensures that all five central elements associated with tissue image research are visible, notwithstanding the dynamic nature of the work that has arrived. Constrain produce reduction to households belonging to ethnic minorities. Multiplying the element human capital, accumulate the pole of greatest benefit. Deduce that fruit-poor households belonging to ethnic minorities have a Beta value of 0.462. Beta = 0.371 for To be Core Element Capital Talent Main; 0.330 for To Be Core Element Capital Festival; 0.261 for To Be Core Element Capital Talent on One's Own Course; and a combined final score of 0.261% for To Be Core Element Capital Talent Main. Capital can function as a fundamental element with a beta value of 0.241.

**Table 4.2: ANOVA**

Model	R	R2	R2 square	df	Durbin-Watson
1	.757a	.574	.568	.51043	1.565

(Source: Processing of survey data by the author in 2021)

As shown in Table 4.2, the results of multiple linear regression analysis indicate that the model has an adjusted coefficient of determination R2 of 0.574 and a coefficient of determination R2 of 0.574. 57.4% of the variation in the dependent variable "Y" is accounted for by the five independent variables, as indicated by the adjusted R2 value of 0.574. This indicates that the model is suitable.

**Table 4.3: Model summary**

Model		R	DF	Mean Square	F	Sig.
first	Anise regulation	134,615	5	26,923	103,335	.000b
	Part residual	100,048	384	.261		
	Total	234,663	389			

(Source: Processing of survey data by the author in 2021)

**Table 4.4: System number Anise regulation**

Model		Unstandardized coefficients	Standardized coefficients		Kiểm định student (t)	Sig.		Collinoarity Statistic
			B	Độ lệch chuẩn		Beta		
1	Hằng số	-2.785	.356		-7.824	.000		
	VONCN	.462	.034	.488	13.681	.000	.874	1.144
	VONTAICHINH	.371	.055	.242	6.737	.000	.857	1.166
	VONXH	.330	.039	.283	8.368	.000	.971	1.030
	VONTN	.261	.047	.189	5.550	.000	.957	1.044
	VONTC	.241	.036	.231	6.800	.000	.965	1.036

Conclude fruit Anise regulation give see , all 5 variables poison create in tissue image research rescue even Have image enjoy arrive variable extra belonging (Conclusion fruit reduce poor) of ethnic minority households in the province An Giang with Significance level Sig . < 0.05.



### **4.3 Assess the livelihood capital of ethnic minority households in An Giang province**

Human capital: The mean value of the six assessed variables varies between 3.96 and 4.58, with the variable "Your household possesses expertise and knowledge in the field of tourism" having the greatest mean value. "Effective communication facilitates the engagement of your family in tourism activities." According to the data, the variable "The number of working-age members in your household is substantial" (4.58), has the lowest average value. My family finds it practical to engage in tourism-related activities.

Social capital is comprised of eight variables, each with an average value ranging from 4.10 to 4.58. Among these variables, "The household has a warm and friendly attitude towards tourists" has the highest average value. The variable with the lowest average value is "The household's ability to conduct tourism business is facilitated by the electricity and water system" (5.64).

Financial capital: Out of the five measured variables in the group, "Your household receives preferential loans in the locality" has the highest average value, ranging from 3.99% to 4.66. "methods to simplify the tourism industry" The variable "Means, machinery, and support equipment for households to facilitate the service of tourists" (4.66) has the lowest average value. (3 ,99).

Natural capital: This group comprises eight measured variables with average values ranging from 3.57 to 4.10, with "Owning a traditional house helps tourism activities" having the highest average value. The schedule at the grandparents' home is more manageable. The variable with the least average value is "The grandparents' household's tourism activities depend on the family's farmland" (3.57). Institutional capital comprises eight measured variables with average values ranging from 3.77 to 4.30. "Local capital support to facilitate household business operations." and "The government supports tourism promotion work to assist households" (4.30) have the highest average values. " The variable "Your household participates in the local tourism management board, which facilitates tourism business for your household" (3.77) has the lowest average value. Promotional assistance and financial backing from local authorities are instrumental in assisting ethnic minority households with their tourism development.. \_

#### **4.4 Examining the disparity in livelihood capital from tourism among three household groups: Cham, Chinese, and Khmer**

The human capital of households belonging to the Khmer, Chinese, and Cham ethnic groups varies. The human capital of Chinese households is the greatest when compared to the human capital of Khmer and Cham households. Khmer households are comparable to Cham households in terms of social capital; however, Chinese households distinguish themselves from both Cham and Khmer households. There exists a distinction in the economic capital of the three household groups—Chinese, Khmer, and Cham—with the Chinese households possessing the highest economic capital, succeeded by Cham households, and finally Khmer households. When examining natural capital, Khmer households exhibit distinct characteristics when compared to Cham and Chinese households. However, Cham households possess the same amount of natural capital as their Chinese counterparts. Khmer households have a distinct institutional capital compared to their Cham and Chinese counterparts, whereas the institutional capital of Chinese and Cham households is identical.

#### **4.5 Livelihood activities of ethnic minority households in An Giang province**

Table 4.16 presents the component contributions of various livelihood activities—including gardening, farming, animal husbandry, employment as factory workers, affiliation with officials, engagement in trade, provision of tourism and related services, allowances, assistance from relatives, and other labor—to the overall 100% income of ethnic minority households. The sectors with the highest contribution levels are agriculture (19.70%) and tourism (19.83%), with gardening (17.33%), animal husbandry (13.19%), and commerce (12.14%) following suit. Other occupations make the least substantial contribution to livelihood, comprising a mere 1.07%. It is evident that cultural tourism contributes significantly to the overall income of households belonging to ethnic minorities, alongside livelihood activities associated with agriculture.

Based on the evaluations of ethnic minority households surveyed, gardening, farming, animal husbandry, tourism, and trading are regarded as critical sources of income, with relatives'

assistance and other forms of labour being deemed unimportant, while factory workers, officials, and their allowances are considered to be of average importance.

In addition to driving a car to transport passengers or a train (boat) to transport passengers, ethnic minority households engage in a wide range of tourism-related endeavours, including operating homestay businesses, supporting traditional craft villages, manufacturing and selling mementos, offering dining and drinking services around tourist attractions, working as workers in homestays, restaurants, and providing services to tourists. Festivals, homestay accommodations, performances encompassing traditional crafts, art shows, and sports, and unskilled labour services catering to tourist destinations including bonsai care, massage, painting, and electrical work, among others. A high percentage of homestay enterprises are engaged in "selling food and beverage services around tourist attractions" (22.60%) and "traditional craft villages (15.24%)," which generate the highest average monthly income per person at 10.06 million, compared to the lowest average monthly income per person for other occupations (2.27 million).

#### **4.6 Tourism's influence on the alleviation of poverty among ethnic minority households in the province of An Giang**

##### **4.6.1 The outcomes of comprehensive investigations**

In-depth interviews underscored and corroborated the findings of the survey that ethnic minority households in the province of An Giang experience substantial economic transformations as a result of their participation in tourism activities. Supplementary sources of income should be established to support traditional craft villages, food and beverage operations, souvenir and boat transportation schedules, and homestay enterprises, in addition to their primary livelihood pursuits. Furthermore, substantial progress has been made in reducing the deprivation of essential social services for households belonging to ethnic minorities. This improvement is particularly evident in various domains such as healthcare, education, housing quality, access to clean water, environmental sanitation, internet services, and equipment. possess entry to residential data. Following the implementation of tourism, ethnic minority households in the cities of Tinh Bien, Tri Tonne, Chau Phu, Tan Chau, and Chau Doc

have experienced substantial changes in terms of social culture and means of subsistence. culture and society.

#### **4.6.2 Results from the questionnaire survey on the poverty reduction impact of tourism**

##### **4.6.2.1 Economic poverty reduction results**

Among these 7 measurement variables, in which the variable "The household's family economy has improved" has the highest value (4.47), ethnic minority households believe that tourism brings economic benefits, increasing income. Family income is improved after participating in tourism; Tourism creates many jobs; Tourism helps to access better markets, Tourism helps remote areas develop economically. This shows that tourism brings economic benefits to ethnic minority households who can generate additional income from tourism instead of depending only on one source of income from agriculture.

##### **4.6.2.2 Reductions in poverty lead to enhanced accessibility to fundamental social services.**

Within the set of 15 measurement variables, individuals' assessments of the poverty reduction factor as it pertains to social service accessibility subsequent to engaging in tourism vary between 3.91 and 4.449. Out of the given options, "The quality of your household's housing has improved" and "Households of your grandparents do not have a footprint smaller than 8 m<sup>2</sup>" have the lowest Likert indices (3.91 and 4.49, respectively). On the other hand, "You actively engage in numerous training classes and vocational training at local vocational training centres" has the highest Likert index (4.49). It is evident that individuals engaged in tourism are granted convenient access to social services.4. 6 .2. 3 The results of poverty reduction are in terms of livelihoods and socio-cultural aspects.

Variables \_ measure measure Okay fight price at level central set , knife dynamic from 3.92 – 4.52. Among them, the variable with the lowest likert index is " Invested public transportation system in your area ", the variable with the highest likert index is " Security and order status in the area". of your household is guaranteed .

##### **4.6.2.3 Effects of poverty alleviation on sociocultural and economic conditions**

The measured variables are assessed at a neutral level, with

values between 3.92 and 4.52. One of the variables exhibiting the lowest Likert index is "Investment in the public transport system in your area." Conversely, the variable guaranteeing a secure and orderly environment for your household has the highest Likert index.

#### **4.7 Compare the variances in the poverty alleviation impacts of tourism on three distinct ethnic minority household groups residing in the province of An Giang.**

The results of the aforementioned three sections of the examination indicate that tourism has a negligible impact on alleviating poverty for Cham households in terms of sociocultural factors, access to social services, and livelihoods. greater than that of Khmer and Chinese households.

### **PART 5: COMMENTARY ON RESEARCH RESULTS AND POLICY RECOMMENDATIONS**

#### **5.1 Comment on research results**

Additionally, the research findings corroborate the assertion made by Vo Van Tuan and Nguyen Canh Dung (2015) that the diversification strategies of households' livelihoods are bolstered by the calibre of human capital, as it enables them to engage in non-agricultural endeavours or employ labour in the fields of industry, natural resource exploitation, and agriculture. Conversely, human capital holds paramount significance as a source of capital in strategies for livelihood development, given that individuals are the originators of livelihood activities (Trieu Van Hung, 2013). Human capital is crucial for encouraging the utilisation of other resources and livelihood assets, according to Elis (2000). Despite focusing on households belonging to ethnic minorities, the study's findings nonetheless incorporated human capital. This is a crucial factor in reducing poverty in households belonging to ethnic minorities; therefore, if tourism is to benefit the poor, appropriate policies are required to enhance the quality of human capital.

While the study also demonstrates that human capital is the primary source of capital in the livelihood development strategy for households belonging to ethnic minorities, the most recent finding is that human capital plays a crucial role in enabling households from ethnic minorities to alleviate poverty via tourism. Ethnic minority households' social, financial, and natural capital resources will be influenced by their human capital and historical background.

Tourism must therefore implement policies that enhance the calibre of human capital if it is to benefit the impoverished. Prior research focused primarily on households belonging to ethnic minorities. However, for the thesis, the focus shifted to comparing the poverty reduction outcomes and livelihood capital of three distinct groups: Cham, Chinese, and Khmer. The findings indicate that the Chinese have achieved the most substantial poverty reduction and livelihood capital through tourism, followed by the Khmer, and finally the Cham. By means of this comparison, a distinct picture can be discerned for each household group, enabling local authorities to devise individualised strategies for reducing poverty in ethnic minority households.

Placing emphasis on the correlation between human capital and tourism livelihoods, individuals who possess adequate training and expertise in the field will be able to develop a tourism business strategy that enhances household income and positively impacts tourism. surmount destitution. Due to the Cham people's limited religious ties and human capital, women have restricted access to educational opportunities, information-gathering apparatus, and the ability to exchange and learn from outside experiences. Additionally, the research findings corroborate the assertions made by Mitchell and Ashley (2010) and Pleumarom (2012) that individuals who possess greater capital, knowledge, skills, and connections are more likely to derive advantages from tourism.

Consistent with the findings of prior research (Dong Thi Thanh and colleagues, 2019; Nguyen Hong Thu, 2019; Adger, 1999), we can assist households in the development of profitable tourism activities by leveraging livelihood capital (social, financial, natural, and institutional) and enhancing human capital. Comparable to the notion that individuals are motivated to attain favourable livelihood outcomes is this perception that social, physical, and financial capital all play a role. Financial, natural, social, and human capital are interdependent and mutually reinforce one another.

Furthermore, the research findings corroborate the conclusions drawn in prior investigations by Le Ngoc Phuong Quy (2021) and Sen (1999) that ethnic minority households encounter numerous obstacles and disadvantages when attempting to obtain essential capital sources. In addition to education, capital, and the market,

livelihood capital, particularly educational credentials, must be taken into account, as the impact of tourism on poverty reduction is minimal when livelihood capital is limited.

The thesis also asserts that livelihood capital differs among three distinct household groups; this variation will have an impact on the degree of poverty reduction achieved; thus, flexibility is required when proposing solutions for poverty reduction. activities tailored to the distinctive livelihood characteristics and cultural milieu of each group (Le Ngoc Phuong Quy, 2021).

Kwai et al. (2020), Hoang et al. (2020), Deanbraber (2018), Adiyia et al. (2017), Wiranatha et al. (2017), Worku (2017), Scheyvens & Russell (2012), and Muganda et al. (2010) all concur with this conclusion; tourism assists households belonging to ethnic minority groups in enhancing their standard of living, generating income, and establishing employment. The thesis's research findings concur with those of Wang et al. (2020) that tourism is a significant strategy for reducing poverty; the effects of poverty reduction can be measured in terms of health care, education and training, economic status, and livelihood conditions. and conduct a comparative analysis of three household groups Champ, Khmer, and Chinese in order to discern the variations in the poverty alleviating effects of tourism across these three groups.

## **5.2 Policy recommendations to enhance the livelihoods of ethnic minority households in the province of An Giang through tourism**

Human capital considerations should be given due importance in the development of tourism. Conducting training sessions and assisting community members in accessing tourism and local resources These theories must be succinctly, simply, and easily comprehendedly summarised in the tourism industry; if possible, these summaries should be translated into English. ethnic groups in order to facilitate access for households participating in tourism operations. Orientation in guest reception and service techniques for visitors. At all times, social and community factors are prioritised. Greater emphasis is placed on the attributes of traditional craft villages, in addition to the social dynamics that demand particular consideration. Concentrate on infrastructure development to better serve tourism. Improve the sanitation conditions of the environment

in homes, particularly those that are involved in tourism. Investments and construction endeavours are underway to procure information access devices, establish electrical and water systems, and fund the development of the internet in order to facilitate and support the expansion of the tourism industry. Appropriate economic development policies should be implemented, including the production of additional tourism apparatus and machinery. It is imperative to establish mechanisms and policies that encourage investment and provide incentives and support for farmers engaged in tourism endeavours, thereby instilling community confidence in the tourism industry.

### **5.3 Policy recommendations to enhance poverty reduction results of tourism for ethnic minority households in An Giang province.**

Promote entrepreneurial initiatives and develop poverty alleviation frameworks that leverage local benefits. Strengthen policies and mechanisms to assist members of ethnic minorities in securing employment, with a particular focus on the service-tourism industry. Compensation and tax support policies should be in place to assist businesses in their investment and development endeavours. Tourism in regions inhabited by ethnic minorities is advantageous because the investment of businesses generates numerous employment opportunities for ethnic minority households, expands the market, facilitates market access for ethnic minority households, and opens up avenues for economic development in those regions. Numerous tourists visit and are aware of this location.

In order for parents of children from ethnic minority households to be able to relax, education development in areas inhabited by ethnic minorities should be a top priority. Specifically, policies should be implemented to assist with the cost of education and provide learning aids for children whose parents are from ethnic minority households. I am unable to send my children to education due to financial constraints. Because educating children will enhance the human capital of households belonging to ethnic minorities, endowing them with the necessary knowledge and abilities to transcend poverty.

Regarding healthcare, in order to reduce the cost of medical examinations and treatments for households belonging to ethnic



minorities, assistance with health insurance and free medication is required. Concurrently, medical facilities in regions inhabited by ethnic minorities must be outfitted with modern medical apparatus to meet the treatment requirements of tourists.

Emphasis must be placed on environmental sanitation, and the government must encourage and promote the beautification of the environmental landscape in areas inhabited by ethnic minorities by providing garbage cans for residents and tourists to use in order to prevent littering. the beach.

Concerns pertaining to infrastructure systems, communications, entertainment services, migration restriction, local culture preservation, and security and order should be given due attention. Cham households exhibit the least progress towards poverty reduction among the three household groups with regard to livelihood, culture, and society. Consequently, local authorities must prioritise the implementation of the subsequent solutions:

A policy aimed at safeguarding and advancing traditional cuisine, customs, and local festivals in order to generate resources for tourism development; preserving cultural identity for future generations; preventing cultural commercialization issues in the tourism industry; encouraging ethnic minority households to create tourism products rooted in local cultural identity; and generating additional income for the elderly.

Ensure that programmes and policies for poverty reduction are comprehensive, limit the number of focal points, prevent duplication of effort, concentrate resources, and enhance the outcomes of poverty reduction.

## LIST OF PUBLICATIONS RELATED TO THE THESIS

### 1) Science Topic

Number	Topic	Form of participation	Management level	Year
1	Assessing capacity and planning tourism-based livelihoods of ethnic minority households in An Giang province	Chairman	School	2021-2022

### 2) Scientific articles and conferences

Number	Author	Topic	Journal name	Volume-name
1	Le Thi To Quyen & Tran Huu Tuan	Tourism impacts of poverty alleviation on ethnic households: Comparing difference between Cham, Khmer, Chinese ethnic households in An Giang province, Vietnam.	International Journal of Professional Business Review (Q4)	7(4), p1-22
2	Le Thi To Quyen & Tran Huu Tuan	Solutions to improve livelihood capacity based on tourism of Khmer ethnic minority households in An Giang province	TED-2022 Proceedings of the International Conference on Culture, Education, and Tourism with Economic	26/8/2022

			Development	
3	Le Thi To Quyên & Tran Huu Tuan	For tourism to contribute to poverty reduction for Khmer people in An Giang	Tourism journal	9/2022
4	Le Thi To Quyên Tran Huu Tuan & Le Minh Hieu	Tourism-based livelihood capacity of ethnic minority households (Case study of Khmer ethnic households in An Giang province)	Ethnic studies journal	3/2021
5	Le Thi To Quyên & Tran Huu Tuan	Factors affecting the tourism-based livelihood capacity of ethnic minority households in An Giang province	Hue University Journal of Science: Social Sciences and Humanities	Accepted
6	Le Thi To Quyên & Tran	Current status and solutions to poverty reduction through tourism	Proceedings of the workshop on sustainable	10/5/2023

	Huu Tuan	for ethnic minorities in An Giang province	socio-economic development solutions for ethnic minorities in the Mekong Delta	
7	Le Thi To Quyen & Tran Huu Tuan	Advantages and disadvantages in developing community tourism models based on the cultural values of the Khmer people in An Giang province	Proceedings of the workshop on solutions to preserve and promote cultural values, "creating sustainable livelihoods" for the poor and Khmer people in the Mekong Delta	19/9/2023
8	Le Thi To Quyen & Tran Huu Tuan	Situation of minority households' poverty reduction through tourism in An Giang province	5th international conference on tourism development in Vietnam: future of tourism, leisure, and sport	2022